

thợ mỏ là doanh nghiệp thành viên hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Than Việt Nam về làm đơn vị trực thuộc Công ty Vật tư vận tải và xếp dỡ là doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty.

Xí nghiệp Vận tải và đưa đón thợ mỏ là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Vật tư vận tải và xếp dỡ, có tài khoản tại ngân hàng, có con dấu để giao dịch theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở chính đặt tại phường Cẩm Đông, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 2.** Ngành nghề kinh doanh:

- Đưa đón cán bộ công nhân viên;
- Vận tải than, đất đá và hàng hóa khác;
- Sửa chữa ô tô và gia công cơ khí;
- Khai thác, chế biến than.

**Điều 3.** Tổng Giám đốc Tổng công ty Than Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc chuyển giao trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng công ty Than Việt Nam, Giám đốc Xí nghiệp Vận tải và đưa đón thợ mỏ, Giám đốc Công ty Vật tư vận tải và xếp dỡ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

**ĐẶNG VŨ CHƯ**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ số 26/2000/TT-BTC ngày 31/3/2000 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng đối với các hoạt động xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.**

*Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH ngày 10/5/1997;*

*Căn cứ Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 102/1998/NĐ-CP ngày 21/12/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/1998/NĐ-CP;*

*Căn cứ quy định tại Luật Xuất bản và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quyết định số 2607/VHTT-QĐXB ngày 26/8/1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động in; Quyết định số 2501/QĐ-CXB ngày 15/8/1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động phát hành xuất bản phẩm. Quyết định số 75/1999/QĐ-BVHTT ngày 08/11/1999 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quy chế Liên doanh về in và phát hành xuất bản phẩm;*

*Để thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm, Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng đối với các hoạt động trong ngành xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm như sau:*

## I. PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

### 1. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng:

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là hoạt động xuất bản, in, xuất khẩu, nhập khẩu và phát hành các loại xuất bản phẩm gồm:

- Sách; tài liệu; tranh; ảnh; lịch; bản đồ; át lát; bản nhạc; câu đối, cuốn thư và áp phích, catalo, tờ rời, tờ gấp quảng cáo.

- Sách xuất bản trên vật liệu khác hoặc băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình có nội dung kèm theo sách.

- Các loại xuất bản phẩm khác

### 2. Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng:

Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng là hoạt động xuất bản, in, nhập khẩu và phát hành các xuất bản phẩm gồm:

- Báo in (kể cả hoạt động truyền trang báo), tạp chí, bản tin chuyên ngành.

- Sách chính trị là sách tuyên truyền đường lối chính trị tư tưởng của Đảng và Nhà nước, phục vụ nhiệm vụ chính trị theo chuyên đề, chủ đề, phục vụ các ngày kỷ niệm, ngày truyền thống của các tổ chức, các cấp, các ngành, địa phương; các loại sách tổng kết phong trào người tốt, việc tốt, sách kinh điển của lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

- Sách giáo khoa là sách dùng để giảng dạy và học tập trong tất cả các cấp từ mầm non đến phổ thông trung học

- Giáo trình là sách dùng để giảng dạy và học tập trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

- Sách văn bản pháp luật là sách tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật như chỉ thị, thông tư, nghị định, pháp lệnh, luật, các nghị quyết, văn kiện của Đảng.

- Sách in bằng chữ dân tộc thiểu số Việt Nam là sách phục vụ yêu cầu nâng cao dân trí của các dân tộc thiểu số gồm: sách in bằng chữ dân tộc thiểu số, sách in song ngữ chữ phổ thông và chữ dân tộc thiểu số.

- Tranh, ảnh, áp phích, các loại tờ rơi, tờ gấp phục vụ cho mục đích tuyên truyền, cổ động, khẩu hiệu, ảnh lãnh tụ, cờ Đảng Cộng sản Việt Nam, cờ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cờ Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, cờ Tổ quốc.

- Băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình thay các loại sách hoặc có nội dung kèm theo các loại sách thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

### 3. Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng:

Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng là các tổ chức, cá nhân có hoạt động xuất bản, in, xuất khẩu, nhập khẩu và phát hành xuất bản phẩm thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng được quy định tại điểm 1 Mục I của Thông tư này.

## II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

Thuế giá trị gia tăng phải nộp được tính theo phương pháp khấu trừ.

Thuế giá trị gia tăng phải nộp = Thuế giá trị gia tăng đầu ra - Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.

### A. ĐỐI VỚI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐẦU RA

Thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định trên cơ sở giá tính thuế giá trị gia tăng nhân (x) thuế suất thuế giá trị gia tăng:

- Giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chưa có thuế giá trị gia tăng.

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng được quy định tại các văn bản hướng dẫn hiện hành và được áp dụng thống nhất trong tất cả các khâu xuất bản, in, phát hành. Cụ thể:

a) Thuế suất 5% đối với các loại sách (kể cả băng đĩa có nội dung kèm theo sách), trừ sách thuộc đối tượng không chịu thuế quy định tại điểm 2 Mục I Thông tư này.

b) Thuế suất 10% đối với tất cả các xuất bản phẩm khác trừ các xuất bản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế quy định tại điểm 2 Mục I và các xuất bản phẩm chịu thuế quy định tại tiết a, Phần A Mục II Thông tư này.

Căn cứ đặc thù từng hoạt động, Bộ Tài chính hướng dẫn kê khai tính thuế giá trị gia tăng cụ thể như sau:

### 1. Đối với hoạt động xuất bản.

Hoạt động xuất bản là quá trình xuất bản các ấn phẩm được tiến hành từ khâu bản thảo đến khâu phát hành xuất bản phẩm cho các đối tượng người tiêu dùng.

a) Nhà xuất bản tự xuất bản:

- Thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định trên cơ sở giá tính thuế giá trị gia tăng X Thuế suất. Giá bìa xuất bản phẩm là giá đã có thuế giá trị gia tăng. Khi tính thuế giá trị gia tăng đối với xuất bản phẩm phải thực hiện quy đổi ra giá tính thuế giá trị gia tăng theo công thức:

$$\text{Giá tính thuế giá trị gia tăng} = \frac{\text{Giá bìa ( hoặc giá thanh toán)}}{1 + \text{Thuế suất}}$$

- Trường hợp Nhà xuất bản phát hành qua tổ chức phát hành, giá tính thuế giá trị gia tăng của xuất bản phẩm được xác định theo công thức:

$$\text{Giá tính thuế giá trị gia tăng} = \frac{\text{Giá bìa - Phí phát hành}}{1 + \text{Thuế suất}}$$

- Trường hợp Nhà xuất bản bán xuất bản phẩm

cho người sử dụng trực tiếp, giá tính thuế giá trị gia tăng của hoạt động xuất bản được xác định theo công thức:

$$\text{Giá tính thuế giá trị gia tăng} = \frac{\text{Giá bìa ( hoặc giá thanh toán)}}{1 + \text{Thuế suất}}$$

- Đối với xuất bản phẩm đem đi ký gửi, Nhà xuất bản sử dụng mẫu phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý (Mẫu số 04/XKDL-8LL ban hành kèm theo Thông tư số 140/1999/TT-BTC ngày 02/12/1999 của Bộ Tài chính). Phiếu xuất kho này dùng để theo dõi việc ký gửi sách. Khi xuất bản phẩm được thanh toán, Nhà xuất bản xuất hóa đơn giá trị gia tăng ghi rõ theo phiếu xuất kho số ... ngày... tháng ... năm ... Nhà xuất bản căn cứ mẫu này có thể bổ sung một số chỉ tiêu phù hợp với đặc thù quản lý và có đăng ký với cơ quan thuế.

- Trường hợp hàng đổi hàng được coi như hình thức mua bán nên phải xuất hóa đơn.

b) Nhà xuất bản liên doanh xuất bản:

Nhà xuất bản có xuất bản phẩm liên doanh với các tổ chức, cá nhân trong nước thực hiện theo đúng quy định của Luật Xuất bản và các văn bản hướng dẫn. Đối với mọi hình thức liên doanh xuất bản, Nhà xuất bản có trách nhiệm nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định sau:

b1) Nhà xuất bản liên doanh xuất bản với các tổ chức, cá nhân kinh doanh:

- Nhà xuất bản thực hiện các dịch vụ trong khâu xuất bản như chịu trách nhiệm biên tập, duyệt bản thảo, tổ chức chế bản in, làm thủ tục đăng ký kế hoạch xuất bản...mà thu một khoản phí quản lý thì Nhà xuất bản thực hiện kê khai, tính thuế giá trị gia tăng đối với phần phí quản lý thu được. Doanh thu này là doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng.

Ví dụ: Nhà xuất bản A ký hợp đồng liên doanh xuất bản với Tổ chức B xuất bản một cuốn sách văn học với số lượng 10.000 cuốn, giá bìa là

6.300 đồng/cuốn, Nhà xuất bản A thu quản lý phí là 7% trên giá bìa, giả sử phí quản lý chưa có thuế giá trị gia tăng. Khi xuất bản phẩm được phát hành, Nhà xuất bản xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với doanh thu phí quản lý như sau:

Phí quản lý: 10.000 cuốn x 6.300 đồng/quyển x 7% = 4.410.000 đồng.

Thuế giá trị gia tăng đầu ra = 4.410.000 đồng x 10% = 441.000 đồng.

- Trường hợp xuất bản phẩm được bên đối tác phát hành toàn bộ thì Nhà xuất bản ngoài việc kê khai tính thuế giá trị gia tăng đối với phí quản lý còn có trách nhiệm kê khai tính thuế giá trị gia tăng đầu ra trên toàn bộ xuất bản phẩm. Bên đối tác có trách nhiệm thanh toán tiền thuế giá trị gia tăng cho Nhà xuất bản. Nhà xuất bản phải theo dõi riêng phần doanh số xuất bản phẩm liên doanh và không được tính vào doanh thu của Nhà xuất bản. Giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định theo công thức:

$$\text{Giá tính thuế giá trị gia tăng} = \frac{\text{Giá bìa - Phí phát hành}}{1 + \text{Thuế suất}}$$

Trong đó: giá bìa trừ phí phát hành không được thấp hơn giá thành trang tiêu chuẩn.

Sau khi xuất bản phẩm được Giám đốc Nhà xuất bản ký duyệt cho phát hành, Nhà xuất bản có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho đối tác để đối tác có cơ sở hạch toán thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với đối tác là đơn vị nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và hạch toán chi phí đối với đơn vị nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp. Các chứng từ chi phí cho hoạt động xuất bản, nhà xuất bản hay bên đối tác trực tiếp chi được kê khai tính thuế giá trị gia tăng đầu vào cho từng bên.

Ví dụ:

Trong tháng 5 năm 1999, Nhà xuất bản A ký hợp đồng liên kết xuất bản với Tổ chức B xuất

bản một cuốn sách văn học với số lượng 10.000 cuốn:

Giá in bìa: 6.000 đồng/quyển.

Phí phát hành (30%): 6.000 đồng x 30% = 1.800 đồng/quyển.

Khi Nhà xuất bản A xuất sách cho Tổ chức B, thực hiện tính thuế giá trị gia tăng như sau:

$$\text{Giá tính thuế giá trị gia tăng} = \frac{6.000 - 1.800}{1 + 5\%} = 4.000 \text{ đồng/quyển}$$

Thuế giá trị gia tăng đầu ra: 4.000 đồng x 5% = 200 đồng/quyển.

Nhà xuất bản A xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Tổ chức B số lượng 10.000 cuốn, số thuế giá trị gia tăng là 2.000.000 đồng.

Trường hợp Tổ chức B là đơn vị nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, hạch toán thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ 2.000.000 đồng. Đến tháng 6, Tổ chức B tự phát hành 2000 cuốn sách và xác định thuế giá trị gia tăng đầu ra.

$$\text{Giá tính thuế giá trị gia tăng} = \frac{6.000}{1 + 5\%} = 5.714 \text{ đồng/quyển.}$$

Thuế giá trị gia tăng đầu ra = 5.714 đồng x 2.000 x 5% = 571.400 đồng.

Giả sử thuế giá trị gia tăng đầu vào là 57.000 đồng.

Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong tháng 6 của Tổ chức B = 571.400 đồng - 57.000 đồng - 2.000.000 đồng = - 1.485.600 đồng. Như vậy, tháng này Tổ chức B chưa phải nộp thuế giá trị gia tăng. Từ tháng 7 trở đi đối với số sách này sẽ không phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu vào mà chỉ phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu ra. Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh chưa được hoàn trong tháng 6 (- 1.485.600 đồng), đơn vị sẽ được trừ vào số thuế giá trị gia tăng phải nộp khi thực hiện kê khai, tính thuế giá trị gia tăng của thời gian sau.

Trường hợp Tổ chức B là đơn vị nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp, căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng của Nhà xuất bản A, Tổ chức B hạch toán chi phí giá vốn hàng mua để tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

b2) Nhà xuất bản liên doanh xuất bản với tổ chức, cá nhân kinh doanh và phát hành toàn bộ xuất bản phẩm liên doanh thì Nhà xuất bản thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng như đối với trường hợp Nhà xuất bản tự xuất bản.

b3) Đối với trường hợp Nhà xuất bản liên doanh với tổ chức như các đơn vị sự nghiệp, cá nhân như tác giả không đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Nhà xuất bản có trách nhiệm tính và nộp thuế giá trị gia tăng đầu ra như quy định đối với trường hợp liên doanh xuất bản, nộp thay thuế giá trị gia tăng cho cá nhân và khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ trên thu nhập chịu thuế do cơ quan thuế địa phương ấn định.

## 2. Đối với các đơn vị hoạt động in.

a) Đối với hoạt động in (có cả giấy in trong đơn giá in):

Thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định trên cơ sở giá tính thuế giá trị gia tăng nhân (x) thuế suất thuế giá trị gia tăng của hoạt động in. Giá tính thuế giá trị gia tăng của hoạt động in là giá chưa có thuế giá trị gia tăng.

b) Đối với hoạt động in không bao gồm giấy in:

- Thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá tính thuế giá trị gia tăng nhân với thuế suất. Giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chưa có thuế bao gồm tiền công in, tiền nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và các chi phí khác (trừ tiền giấy).

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động này tính theo thuế suất tương ứng với sản phẩm in.

## 3. Đối với dịch vụ phát hành xuất bản phẩm:

- Giá bìa xuất bản phẩm là giá đã có thuế giá

trị gia tăng. Vì vậy giá tính thuế giá trị gia tăng của hoạt động phát hành được xác định theo công thức:

$$\text{Giá tính thuế giá trị gia tăng} = \frac{\text{Giá bìa - Phí phát hành ở khâu sau (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất}}$$

- Đối với các trường hợp bán lẻ hàng hóa có giá trị dưới 100.000 đồng hoặc khách hàng không yêu cầu hóa đơn, đơn vị phát hành tiến hành lập bảng kê bán lẻ theo quy định hiện hành.

- Đối với hàng hóa ký gửi: đơn vị phải hạch toán riêng theo phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý (Mẫu số 04/XKDL-8LL ban hành kèm theo Thông tư số 140/1999/TT-BTC ngày 02/12/1999 của Bộ Tài chính) để xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào tương ứng với thuế giá trị gia tăng đầu ra đã bán.

## B. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐẦU VÀO ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ được xác định theo nguyên tắc:

Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ là số thuế giá trị gia tăng đầu vào trên hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào và 3% trên hóa đơn bán hàng đối với tất cả các loại hàng hóa khác mua của người kinh doanh.

Đối với hoạt động in các loại ấn phẩm thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng chỉ sử dụng nguyên liệu giấy đặc chủng nhập khẩu, nếu hạch toán riêng được thuế giá trị gia tăng đầu vào của nguyên liệu giấy đặc chủng này thì được phép kê khai toàn bộ thuế đầu vào khi tính thuế giá trị gia tăng.

Các đơn vị có cả hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng phải thực hiện hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế

và không chịu thuế giá trị gia tăng để xác định thuế đầu vào được khấu trừ, thuế đầu vào không được khấu trừ, thuế giá trị gia tăng phải nộp. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán riêng được thuế giá trị gia tăng đầu vào thì áp dụng phương pháp tính phân bổ theo tỷ lệ (%) doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu để xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Về hóa đơn chứng từ: Đơn vị trực tiếp xuất hóa đơn cho khách hàng theo từng trường hợp cụ thể: Nếu đơn vị thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì xuất hóa đơn giá trị gia tăng, trong đó hoạt động không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng thì dòng thuế suất và thuế giá trị gia tăng gạch chéo. Nếu đối tượng nộp thuế theo phương pháp trực tiếp thì xuất hóa đơn bán hàng thông thường.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các nội dung khác không hướng dẫn tại Thông tư này vẫn được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998, Thông tư số 175/1998/TT-BTC ngày 24/12/1998 và Thông tư số 106/1999/TT-BTC ngày 30/8/1999 của Bộ Tài chính. Các văn bản hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng đã ban hành không phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thứ trưởng*

PHẠM VĂN TRỌNG

## QUYẾT ĐỊNH số 47/2000/QĐ-BTC ngày 04/4/2000 về việc bãi bỏ khoản thu lệ phí cấp các loại giấy phép trái với quy định của Luật Doanh nghiệp.

### BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2000/QĐ-TTg ngày 03/2/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ các loại giấy phép trái với quy định của Luật Doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bãi bỏ khoản thu lệ phí cấp các loại giấy phép sau:

1. Lệ phí cấp giấy xác nhận kiểm soát ô nhiễm môi trường.
2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phế liệu, phế thải là kim loại.
3. Lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nhà trọ.